

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 29

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Docimexco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Được	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Phạm Văn Phát	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT
Ông AnThony Nguyễn	Thành viên HĐQT
Ông Lê Ngọc Đăng	Thành viên HĐQT
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Trang Hữu Nghĩa	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đinh Thiện Hiền	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Ban kiểm soát

2. Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Dũng	Phó tổng Giám đốc

3. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính Công ty đặt tại số 89 Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

4. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2009 và kết quả hoạt động của năm tài chính 2009 cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 05 đến trang 28.

5. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

6. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

7. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

Thay mặt Hội đồng quản trị

Ngày 29 tháng 01 năm 2010

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2010

Số: 144/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009
của Công ty Cổ phần Docimexco

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc
Công ty Cổ phần Docimexco

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Docimexco (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009, được lập ngày 29 tháng 01 năm 2010, từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính dính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Docimexco tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài

chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2009 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Phó Giám đốc

Hồ Đắc Hiếu

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

Nguyễn Văn Tuyên

Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100			
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>			
1. Tiền	111	V.01	62.719.159.278	23.065.861.286
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>			
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<i>130</i>	V.02	261.853.435.586	134.655.660.812
1. Phải thu khách hàng	131		122.471.971.220	61.467.013.833
2. Trả trước cho người bán	132		16.253.501.745	31.200.351.204
3. Các khoản phải thu khác	135		124.299.332.064	43.159.665.218
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.171.369.443)	(1.171.369.443)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	V.03	248.657.823.607	231.639.340.378
1. Hàng tồn kho	141		248.657.823.607	301.594.860.307
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(69.955.519.929)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	V.04	16.916.088.492	8.354.339.562
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		567.594.089	1.058.354.104
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.932.699.546	3.922.686.781
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		172.335.817	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.243.459.040	3.373.298.677
B. Tài sản dài hạn	200		146.875.267.695	213.322.608.794
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		83.541.979.728	83.422.853.905
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	68.024.007.999	61.229.476.581
- Nguyên giá	222		155.853.396.225	135.294.981.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(87.829.388.226)	(74.065.505.299)
2. TSCĐ vô hình	227	V.06	4.326.337.461	4.051.337.460
- Nguyên giá	228		4.398.278.460	4.098.278.460
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(71.940.999)	(46.941.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	11.191.634.268	18.142.039.864
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>	V.08	438.206.112	754.289.103
1. Nguyên giá	241		1.408.131.849	1.408.131.849
2. Giá trị hao mòn luỹ kế	242		(969.925.737)	(653.842.746)
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>		61.002.875.455	124.268.004.355
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	57.773.850.455	27.173.850.455
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	-	95.910.828.900
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	3.229.025.000	1.183.325.000
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		1.892.206.400	4.877.461.431
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.892.206.400	4.877.461.431
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		737.021.774.658	611.037.810.832

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		542.762.058.310	469.982.085.682
I. Nợ ngắn hạn	310		490.235.472.929	419.739.680.935
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	393.909.937.511	303.379.013.850
2. Phải trả người bán	312	V.14	46.990.438.093	23.227.283.399
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	11.148.544.801	29.807.892.853
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.15	18.671.773.234	10.655.652.712
5. Phải trả người lao động	315	V.16	5.374.560.097	4.447.635.011
6. Chi phí phải trả	316		108.322.510	503.099.346
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.17	14.031.896.683	47.719.103.764
II. Nợ dài hạn	330		52.526.585.381	50.242.404.747
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.18	43.045.675.916	32.922.137.303
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	9.289.326.003	17.271.149.407
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.20	191.583.462	49.118.037
B. Vốn chủ sở hữu	400	V.21	194.259.716.348	141.055.725.150
I. Vốn chủ sở hữu	410		193.307.734.240	143.289.665.542
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		132.000.000.000	88.700.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(3.910.030.000)	-
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.262.033.524)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.745.000.000	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.591.000.000	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		58.143.797.764	54.589.665.542
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		951.982.108	(2.233.940.392)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		951.982.108	(2.233.940.392)
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN	440		737.021.774.658	611.037.810.832

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng		
- USD	3,275,724.58	108,532.35
- EUR	1,042.21	2,937.75

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

HÀ XUÂN LONG

Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 01 năm 2010

LÊ TRƯỜNG SƠN

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.476.060.207.208	1.639.704.549.913
<i>Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu</i>			<i>1.210.277.771.511</i>	<i>1.195.797.909.693</i>
2. Các khoản giảm trừ	02		2.295.045.296	6.748.384.958
3. Doanh thu thuần	10	VI.22	1.473.765.161.912	1.632.956.164.955
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.23	1.364.791.869.576	1.437.067.681.304
5. Lợi nhuận gộp	20		108.973.292.336	195.888.483.651
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.24	88.108.658.060	42.928.723.592
7. Chi phí tài chính	22	VI.25	33.267.710.264	71.862.409.768
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>27.588.591.379</i>	<i>61.460.715.866</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.26	58.119.228.426	48.185.021.871
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.27	35.629.130.277	27.835.318.512
10. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	30		70.065.881.429	90.934.457.092
11. Thu nhập khác	31	VI.28	859.335.429	1.127.650.401
12. Chi phí khác	32		62.871.836	51.101.552
13. Lợi nhuận khác	40		796.463.593	1.076.548.849
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.862.345.022	92.011.005.941
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.29	15.505.212.800	17.303.246.958
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		55.357.132.222	74.707.758.983
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.30	5.671	8.423

HÀ XUÂN LONG

Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 01 năm 2010

LÊ TRƯỜNG SƠN

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	<i>Mã số</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	70.862.345.022	92.011.005.941
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.126.743.700	11.183.806.645
Các khoản dự phòng	03	(69.955.519.929)	71.122.979.372
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	93.474.596	205.579.698
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(27.559.857.045)	(5.096.779.775)
Chi phí lãi vay	06	27.588.591.379	61.460.715.866
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	15.155.777.723	230.887.307.747
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(53.115.725.260)	(2.668.838.790)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	52.937.036.700	(119.337.384.109)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(14.688.323.692)	37.689.618.590
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	2.148.145.613	329.426.790
Tiền lãi vay đã trả	13	(27.480.268.869)	(60.957.616.520)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.699.515.949)	(7.051.879.948)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(1.168.453.524)	6.798.428
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(3.801.077.500)	(3.197.924.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(40.712.404.758)	75.699.507.785
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(13.055.996.098)	(43.050.493.181)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	7.777.773	101.753.247
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.045.700.000)	(36.372.049.085)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.312.172.389	5.035.823.297
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.781.745.936)	(74.284.965.722)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	7.820.000.000	-
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	(3.910.030.000)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	1.418.674.155.357	1.663.577.551.687
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.336.218.529.696)	(1.631.732.168.061)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-	(17.363.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	86.365.595.661	14.481.883.626
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	40.871.444.967	15.896.425.689
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	23.065.861.286	7.153.428.102
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	(1.218.146.975)	16.007.495
Tiền tồn cuối kỳ	70	62.719.159.278	23.065.861.286

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

HÀ XUÂN LONG

Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 01 năm 2010

LÊ TRƯỜNG SƠN

Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Docimexco trước đây là Công ty Thương nghiệp Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Đồng Tháp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 04/QĐ-UBND-TL ngày 12 tháng 01 năm 2007 của Uỷ Ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Thời điểm bàn giao sang Công ty Cổ phần là ngày 06/7/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000075 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 05/11/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 132 tỷ đồng, được chia thành 13.200.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, tất cả cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty đến ngày lập báo cáo là:

Danh sách cổ đông:	% cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần
+ Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp	20%	2.675.960
+ Ông Phạm Văn Phát	6%	787.342
+ Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	6%	787.342
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	35%	4.595.663
+ Các cổ đông khác	33%	4.353.693
Cộng	100%	13.200.000

2. Ngành nghề kinh doanh

Bách hoá vải sợi, điện máy, xe đạp, xe máy, vật liệu xây dựng, chất đốt, nông sản thực phẩm, lương thực, xuất khẩu lương thực, nông sản, thực phẩm, chế biến đông lạnh được nhà nước cho phép. Nhập khẩu vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến hàng xuất khẩu và một số hàng tiêu dùng thiết yếu được Nhà nước cho phép. Kinh doanh rượu, bia, nước giải khát. Nhập khẩu hàng nông, lâm hải sản phục vụ sản xuất chế biến để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Kinh doanh mặt hàng gỗ tròn và gỗ xẻ các loại. Kinh doanh hàng thuỷ sản. Sản xuất và kinh doanh thức ăn gia súc. Nuôi cá (nước mặn, nước ngọt, nước lợ).

Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản. Khai thác cát, đá, đất. Xây dựng công trình, hạng mục công trình. San lấp mặt bằng. Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu Công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Mua bán, nhập khẩu phân bón các loại. Kinh doanh thuốc thú y; thuốc thú y thuỷ sản. Bán buôn, bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thuỷ sản.

Mua bán, xuất nhập khẩu hoá chất (trừ hoá chất sử dụng trong nông nghiệp); sản xuất các sản phẩm từ plastic; in bao bì các loại. Tái chế phế liệu phi kim loại, mua bán, phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại. Mua bán phôi thép, phôi sắt. Mua bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Tên giao dịch, trụ sở, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc

- Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Dong Thap Trading Corporation.
- Trụ sở chính đặt tại số 89 đường Nguyễn Huệ, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Văn phòng đại diện tại Hồ Chí Minh; Chi nhánh Docifish; Chi nhánh Docifood; Chi nhánh Docitrade và Chi nhánh Dociland.

Các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty có con dấu riêng; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và hạch toán phụ thuộc Công ty.

4. Danh sách các công ty liên quan

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
	Số A4 - TTTM Sa			
Công ty TNHH Một thành viên Docifarm	Đéc, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Nuôi trồng thủy sản, thương mại	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên DV PT Nông nghiệp Đồng Tháp	252 Nguyễn Huệ, Tp Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	100%	100%
	Khu C, KCN Sa			
	Đéc, TX Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất, thương mại	51%	51%
Công ty TNHH Domyfeed				

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng là Đồng Việt Nam (“VND”) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối năm được hạch toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính như sau:

- Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận như sau:

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản công nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xoá số dư.

+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm đối với các khoản công nợ dài hạn, sau khi bù trừ, chênh lệch còn lại được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Phải thu khách hàng

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính. Tái sản cố định và tỷ lệ khấu hao như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao
Hệ thống mạng máy tính	05 năm
Phần mềm kế toán	03 năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 20 năm
Phương tiện vận chuyển	05 – 08 năm
Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	05 – 10 năm

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn luỹ kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản.

Khi bất động sản đầu tư được bán, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trước dài hạn để phân bổ dần không quá 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

Chi phí dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn;

Lợi thế thương mại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa.

9. Đầu tư tài chính

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Góp vốn liên doanh

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Theo phương pháp này, phần vốn góp của Công ty trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập theo tỷ lệ 3% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

12. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 20%, 3% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 18% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 7% sẽ được trích từ lương của người lao động.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản. Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

16. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

17. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có. Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án đầu tư mở rộng Nhà máy chế biến thuỷ sản đông lạnh xuất khẩu Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp như sau:

- Được miễn thuế 1 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 4 năm tiếp theo, kể từ khi dự án đi vào hoạt động.
- Hiện tại, Công ty đang được hưởng ưu đãi về thuế như đã đề cập ở trên. Số thuế phải nộp do Công ty tự xác định sẽ được điều chỉnh lại khi có biên bản kiểm tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp từ cơ quan Thuế.
- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ. Riêng khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu khi chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần được Công ty chuyển về cho Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Tháp.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền		31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt	VND	1.899.117.600	6.529.712.700
Tiền mặt	USD&EUR	138.815.748	189.159.225
Tiền gửi ngân hàng	VND	2.022.637.151	14.565.384.936
Tiền gửi ngân hàng	USD&EUR	58.658.588.779	1.776.549.401
Tiền đang chuyển	VND	-	5.055.024
Cộng		62.719.159.278	23.065.861.286

2. Các khoản phải thu ngắn hạn		31/12/2009	01/01/2009
Phải thu khách hàng	(2.1)	122.471.971.220	61.467.013.833
Trả trước người bán		16.253.501.745	31.200.351.204
Phải thu khác	(2.2)	124.299.332.064	43.159.665.218
Cộng		263.024.805.029	135.827.030.255
Dự phòng phải thu khó đòi		(1.171.369.443)	(1.171.369.443)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn		261.853.435.586	134.655.660.812

(2.1) Trong đó, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ là 5,512,792.63 USD tương đương 98.905.012.301 đồng.

(2.2) Bao gồm:		31/12/2009	01/01/2009
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Phát triển Nông thôn Đồng Tháp	(*)	20.101.932.268	18.916.450.667
Phải thu tiền chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Xuất Nhập khẩu An Giang		81.622.538.000	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	(**)	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Domyfeed	(*)	1.000.000.000	2.151.549.046
Các khoản phải thu khác		1.574.861.796	2.091.665.505
Cộng		124.299.332.064	43.159.665.218

(*) Là các khoản phải thu liên quan đến việc ứng vốn cho các Công ty con để hoạt động sản xuất kinh doanh.

(**) Là khoản phải thu ứng trước tiền đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim (sau đây gọi tắt là "Nguyễn Kim"). Công ty Cổ phần Docimexco ứng trước cho Nguyễn Kim 20.000.000.000 đồng. Số tiền này sẽ được giải ngân để đầu tư vào danh mục bất động sản do hai bên thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Hàng tồn kho		31/12/2009	01/01/2009
Nguyên vật liệu		7.223.993.280	11.312.307.843
Công cụ, dụng cụ trong kho		829.939.656	826.540.557
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(3.1)	57.350.810.407	273.497.617
Thành phẩm tồn kho		145.044.091.806	161.819.212.137
Hàng hoá	(3.2)	38.208.988.458	108.183.019.203
Hàng gửi bán		-	19.180.282.950
Cộng		<u>248.657.823.607</u>	<u>301.594.860.307</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(69.955.519.929)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho		<u>248.657.823.607</u>	<u>231.639.340.378</u>

(3.1) Chủ yếu là chi phí đưa đi gia công nuôi cá nguyên liệu chưa thu hoạch.

(3.2) Trong đó, giá trị hàng hoá bất động sản là 3.870.452.192 đồng bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn tại huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và 02 lô đất tại thành phố Hồ Chí Minh. Tính đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa đạt được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 lô đất tại thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tài sản ngắn hạn khác		31/12/2009	01/01/2009
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		567.594.089	1.058.354.104
Thuế GTGT được khấu trừ		5.932.699.546	3.922.686.781
Thuế nhập khẩu		172.335.817	-
Tài sản thiểu chờ xử lý		2.472.541.807	115.314.621
Tạm ứng	(4.1)	4.093.439.304	1.809.044.296
Ký quỹ ngắn hạn	(4.2)	3.677.477.929	1.448.939.760
Cộng		<u>16.916.088.492</u>	<u>8.354.339.562</u>

(4.1) Trong đó, bao gồm khoản tiền ứng cho nhân viên mua cổ phần của Công ty là 3.175.000.000 đồng.

(4.2) Bao gồm:		31/12/2009	01/01/2009
+ Ký quỹ NH Công Thương Đồng Tháp để mở L/C		-	1.288.939.760
+ Ký quỹ NH TMCP Kỹ Thương Đồng Tháp để mở L/C (195,000.00 USD)		3.498.495.000	-
+ Ký quỹ NH ACB		119.535.625	110.000.000
+ Ký quỹ NH Eximbank		59.447.304	50.000.000
Cộng		<u>3.677.477.929</u>	<u>1.448.939.760</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: triệu đồng Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	75.751	47.817	9.247	2.316	164	135.295
Mua mới	607	4.449	890	1.422	35	7.402
XDCB hoàn thành	13.184	-	-			13.184
Giảm	-	-	28	-	-	28
Số dư cuối năm	89.542	52.265	10.109	3.738	199	155.853
Hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm	49.097	19.821	3.024	2.032	92	74.066
Tăng	5.217	6.448	1.393	685	42	13.786
Giảm	-	-	22			22
Số dư cuối năm	54.314	26.269	4.396	2.717	134	87.829
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	26.654	27.996	6.223	284	72	61.229
Số dư cuối năm	35.228	25.996	5.713	1.021	65	68.024

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 12.962.259.908 đồng

6. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	4.051.337.460	46.941.000	4.098.278.460
Tăng	-	300.000.000	300.000.000
Giảm	-		-
Số dư cuối năm	4.051.337.460	346.941.000	4.398.278.460
Khấu hao luỹ kế			
Số dư đầu năm	-	46.941.000	46.941.000
Tăng	-	24.999.999	24.999.999
Giảm	-		-
Số dư cuối năm	-	71.940.999	71.940.999
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.051.337.460	-	4.051.337.460
Số dư cuối năm	4.051.337.460	275.000.001	4.326.337.461

Tài sản cố định khác bao gồm hệ thống mạng máy tính và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn tại chi nhánh Docifood 450.697.460 đồng; quyền sử dụng đất tại kho chi nhánh Docitrade 473.600.000 đồng; quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Dociland 535.040.000 đồng; và quyền sử dụng đất tại Chi nhánh TP.HCM 2.592.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Xây dựng cơ bản dở dang		31/12/2009	01/01/2009
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án:			
- Công trình KCN Sông Hậu - Ngân sách cấp	(7.1)	8.029.537.897	3.174.568.853
- Công trình KCN Sông Hậu khác	(7.2)	1.269.449.091	13.296.171.006
- Công trình đầu tư XD nhà máy chế biến gạo	(7.3)	1.627.589.298	1.606.674.096
- Các công trình khác		265.057.982	64.625.909
Cộng		11.191.634.268	18.142.039.864

(7.1) Đây là khoản chi liên quan đến việc đầu tư vào công trình khu công nghiệp Sông Hậu do Công ty làm chủ đầu tư theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Sông Hậu, tỉnh Đồng Tháp, hạng mục công trình đền bù và đường giao thông, thoát nước. Tổng mức vốn đầu tư là 83,3 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước đã chuyển đến Công ty đến ngày 31/12/2009 là 67.151.838.000 đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2009, Công ty đã quyết toán với Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Tháp liên quan đến chi phí đền bù là 49.571.201.000 đồng. Thời gian kinh doanh là 50 năm kể từ ngày có quyết định đầu tư. Công ty đã khai thác kinh doanh cho thuê lại một phần khu công nghiệp

(7.2) Là các khoản chi phí xây dựng hàng rào tại Khu công nghiệp Sông Hậu.

(7.3) Công trình đầu tư xây dựng nhà máy chế biến gạo và kho phân bón vật tư nông nghiệp tại Khu kinh tế Dinh Bà, tổng mức đầu tư là 10,9 tỷ đồng. Công ty đang tiến hành các thủ tục thuê thêm diện tích đất và chưa tiến hành khởi công xây dựng nhà máy.

8. Bất động sản đầu tư

	Chi phí đào ao	Công
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.408.131.849	1.408.131.849
Tăng	-	-
Giảm	-	-
Số dư cuối năm	(*) 1.408.131.849	1.408.131.849
Khấu hao lũy kế		
Số dư đầu năm	653.842.746	653.842.746
Tăng	316.082.991	316.082.991
Giảm	-	-
Số dư cuối năm	969.925.737	969.925.737
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	754.289.103	754.289.103
Số dư cuối năm	438.206.112	438.206.112

(*) Chi phí đào ao tại cồn Đông Quới, cồn Đông Giang - xã Tân Khánh Đông - thị xã Sa Đéc - tỉnh Đồng Tháp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Đầu tư vào công ty con		31/12/2009	01/01/2009
Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp	(9.1)	8.975.807.654	8.975.807.654
Công ty TNHH Một Thành viên Docifarm	(9.2)	18.198.042.801	18.198.042.801
Công ty TNHH Domyfeed	(9.3)	30.600.000.000	-
Công		57.773.850.455	27.173.850.455

(9.1) Theo hợp đồng mua bán Công ty Nhà nước giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp ngày 31/12/2007, Công ty mua lại 100% Công ty Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp tỉnh Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty Nhà nước") với giá là 1 tỷ đồng và đầu tư thêm là 7.975.807.654 đồng. Vào ngày 08/01/2008, Công ty Nhà nước đã chính thức chuyển tên thành Công ty TNHH Một Thành viên Dịch vụ Phát triển Nông nghiệp Đồng Tháp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 510400035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp (vốn điều lệ: 10.080.000.000 đồng).

(9.2) Khoản vốn góp liên doanh cùng Ông Nguyễn Bảo Toàn thành lập Công ty TNHH Tín Thành theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5102000197 ngày 26/01/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp là 7.398.042.801 đồng (tương đương 40% tổng vốn góp). Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa Công ty và Ông Nguyễn Bảo Toàn ngày 17/11/2008, Công ty đã mua toàn bộ phần vốn của Ông Nguyễn Bảo Toàn (tương đương 60% tổng vốn góp) là 10,8 tỷ đồng và chính thức chuyển tên thành Công ty TNHH Một Thành viên Docifarm theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400480183 ngày 08 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp (vốn điều lệ: 16.834.828.693

(9.3) Là khoản vốn góp thành lập Công ty TNHH Domyfeed theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5102000421 ngày 31/10/2007 và thay đổi lần thứ 4 ngày 18/7/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp. Tính đến thời điểm 31/12/2009, Công ty đã góp 30,6 tỷ đồng tương đương 51% vốn điều lệ.

Trong năm 2009, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ các khoản đầu tư nêu trên.

10. Đầu tư vào công ty liên kết		31/12/2009	01/01/2009
Mua cổ phần Công ty XNK An Giang	(*)	-	64.410.828.900
Công ty TNHH Một Thành viên Docifarm		-	31.500.000.000
Công		-	95.910.828.900

(*) Bán 1.774.403 cổ phần tương đương 64.410.828.900 đồng của Công ty cổ phần XNK An Giang với giá bán là 46.000 đồng/cổ phần.

11. Đầu tư dài hạn khác		31/12/2009	01/01/2009
Mua cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp	(11.1)	1.020.000.000	1.000.000.000
Mua cổ phần Ngân hàng Công Thương Việt Nam	(11.2)	2.025.700.000	-
Mua công trái giáo dục		54.510.000	54.510.000
Mua công trái, trái phiếu Chính phủ		128.815.000	128.815.000
Công		3.229.025.000	1.183.325.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(11.1) Đầu tư dài hạn mua 100.000 cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Tháp với giá mua là 10.000 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Trong năm 2009, Công ty đã nhận được cổ tức được chia của năm 2008 là 20.000.000 đồng và 2.000 cổ phần.

(11.2) Đầu tư dài hạn mua 100.000 cổ phần Ngân hàng Công Thương Việt Nam với giá mua là 20.257 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Trong năm 2009, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia nào từ khoản đầu tư trên.

12. Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2009	01/01/2009
Lợi thế thương mại	535.751.024	1.607.253.068	
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	477.879.780	194.732.762	
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	878.575.596	2.254.733.359	
Chi phí phân bổ khác	-	820.742.242	
Cộng	1.892.206.400		4.877.461.431

13. Vay và nợ ngắn hạn		31/12/2009	01/01/2009
Vay ngắn hạn ngân hàng	(*)	386.709.809.511	296.913.893.850
Nợ dài hạn đến hạn trả	19(*)	7.200.128.000	6.465.120.000
Cộng		393.909.937.511	303.379.013.850

(*) Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
NH Công Thương - Đồng Tháp	184.055.611.850	525.944.838.233	499.441.611.615	210.558.838.468
NH Ngoại Thương - Đồng Tháp	21.700.000.000	213.702.329.490	218.578.329.490	16.824.000.000
NH Đầu tư PT - Đồng Tháp	70.685.000.000	215.497.738.293	257.766.675.250	28.416.063.043
NH Phát triển - Đồng Tháp	10.473.282.000	36.017.406.117	46.490.688.117	-
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu Khí Việt Nam - CN Cần Thơ	-	45.000.000.000	20.000.000.000	25.000.000.000
NH Sài Gòn Thương Tín - CN Đồng Tháp	-	136.248.137.223	136.248.137.223	-
NH TMCP Á Châu CN Phan Đình Phùng	-	126.677.000.000	70.000.000.000	56.677.000.000
NH TMCP An Bình CN Cần Thơ	<u>10.000.000.000</u>	<u>112.383.908.000</u>	<u>73.150.000.000</u>	<u>49.233.908.000</u>
Cộng	296.913.893.850	1.411.471.357.356	1.321.675.441.695	386.709.809.511

Khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 182/09/PKHDN/HĐTD ngày 29/4/2009 với hạn mức tín dụng 320 tỷ đồng. Đến ngày 31/12/2009, tổng số dư nợ vay là 210.558.838.468 đồng theo 61 khế ước nhận nợ, lãi suất: 10,5 %/năm - 12 %/năm. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp với nguyên giá là 9.035.936.409 đồng (giá trị còn lại tại thời điểm 31/12/2009 là 6.714.250.366 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng vay ngắn hạn số 246/08/NHNT.ĐT ngày 12/12/2008 và phụ kiện số 03 ngày 15/01/2010 với hạn mức tín dụng 30 tỷ đồng, lãi suất 10 %/năm. Đến ngày 31/12/2009, tổng số dư nợ vay là 16.824.000.000 đồng theo 11 khế ước nhận nợ vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn

Khoản vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Tháp theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/09/HĐHM ngày 19/6/2009 với hạn mức tín dụng 150 tỷ đồng, lãi suất 10,5 %/năm - 12 %/năm. Đến ngày 31/12/2009, số dư nợ vay là 28.416.063.043 đồng theo 17 khế ước nhận nợ vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 05/2009/H ĐTDHM/TCDK-CNCT ngày 29/6/2009 với hạn mức tín dụng 150 tỷ đồng, lãi suất 10,5 %/năm. Đến ngày 31/12/2009, số dư nợ vay là 25 tỷ đồng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Phan Đình Phùng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 38262479 ngày 25/9/2009 với hạn mức tín dụng 150 tỷ đồng, lãi suất: 10,5 %/năm - 12 %/năm. Đến ngày 31/12/2009, số dư nợ vay là 56.677.000.000 đồng theo 05 khế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng vay ngắn hạn số 0161/09/TD/III.1 ngày 18/12/2009 với hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng, lãi suất 12 %/năm. Đến ngày 31/12/2009, tổng số dư nợ vay là 49.233.908.000 đồng theo 04 khế ước nhận nợ vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 84 tỷ đồng.

14. Phải trả người bán và người mua trả trước		31/12/2009	01/01/2009
Phải trả người bán	(14.1)	46.990.438.093	23.227.283.399
Người mua trả tiền trước	(14.2)	11.148.544.801	29.807.892.853
Cộng		58.138.982.894	53.035.176.252

(14.1) Trong đó, khoản phải trả liên quan đến việc nhận uỷ thác nhập khẩu máy móc là 140,000.00 USD tương đương 2.511.740.000 đồng.

(14.2) Trong đó, bao gồm khoản người mua trả tiền trước liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 9.825.000.000 đồng.

15. Thuế và các khoản phải nộp		31/12/2009	01/01/2009
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		2.956.376.934	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		15.193.145.225	10.387.448.375
Thuế thu nhập cá nhân		228.778.385	68.300.214
Thuế tài nguyên, thuế nhà đất		287.845.830	194.277.263
Các khoản phí và lệ phí		5.626.860	5.626.860
Cộng		18.671.773.234	10.655.652.712

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Phải trả người lao động	31/12/2009	01/01/2009
Tiền lương phải trả	2.738.426.754	1.520.137.029
Tiền lương tháng 13 phải trả	2.636.133.343	2.927.497.982
Cộng	5.374.560.097	4.447.635.011

17. Phải trả khác	31/12/2009	01/01/2009
Tài sản thừa chờ xử lý	3.242.192.437	619.755.519
Kinh phí công đoàn	500.360.380	361.229.736
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	28.776.749	31.136.602
Phải trả về cổ phần hoá	-	15.373.720.021
Phải trả khác	(*) 10.260.567.117	31.333.261.886
Cộng	14.031.896.683	47.719.103.764

(*) Bao gồm:	31/12/2009
- Phải trả Ông Nguyễn Bảo Toàn	738.000.000
- Khoản phải trả do Công ty nhận ứng vốn từ Công ty TNHH MTV Docifarm	907.951.008
- Phải trả ngân sách Nhà nước (chủ yếu là tiền lãi phạt chậm nộp tiền bán cổ phần khi cổ phần hoá Doanh nghiệp)	2.570.810.164
- Các khoản nhận kỹ quỹ ngắn hạn	5.105.753.640
- Các khoản phải trả khác	938.052.305
Cộng	10.260.567.117

18. Phải trả dài hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Phải trả ngân sách Nhà nước	(18.1) 17.580.637.000	10.179.637.000
Các khoản nhận đặt cọc tiền cho thuê đất tại KCN Sông Hậu	3.413.610.391	-
Doanh thu nhận trước	(18.2) 22.051.428.525	22.742.500.303
Cộng	43.045.675.916	32.922.137.303

(18.1) Phải trả dài hạn khác là nguồn vốn đầu tư vào khu Công nghiệp Sông Hậu do ngân sách Nhà nước thực hiện.

(18.2) Doanh thu nhận trước đến ngày 31/12/2009 là 22.051.428.525 đồng là các khoản tiền cho thuê đất theo các hợp đồng cho thuê lại đất tại khu Công nghiệp Sông Hậu ký giữa Công ty và các đơn vị thuê đất trong khu Công nghiệp Sông Hậu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Vay dài hạn	31/12/2009	01/01/2009
Vay dài hạn	16.489.454.003	23.736.269.407
Cộng	16.489.454.003	23.736.269.407
Trừ các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả	(*) (7.200.128.000)	(6.465.120.000)
Tổng cộng	9.289.326.003	17.271.149.407

Chi tiết các khoản nợ vay dài hạn ngân hàng

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
Quỹ hỗ trợ PT - Đồng Tháp	2.871.148.000		1.965.120.000	906.028.000
Quỹ Đầu tư PT - Đồng Tháp	11.250.000.000		4.502.670.000	6.747.330.000
NH Ngoại Thương - Vũng Tàu	9.615.121.407	93.474.596	872.500.000	8.836.096.003
Cộng	23.736.269.407	93.474.596	7.340.290.000	16.489.454.003

Khoản vay Quỹ hỗ trợ phát triển - Chi nhánh Đồng Tháp nhằm mục đích đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thuỷ sản đông lạnh xuất khẩu Sa Đéc theo hợp đồng tín dụng số 04-HĐ/TDNN 2001 ngày 06/7/2001, hợp đồng tín dụng số 14/HĐ/TDNN 2001 ngày 03/12/2001 và hợp đồng tín dụng điều chỉnh số 01-HĐĐC/TDNN 2002 với lãi suất 5,4%/năm, đáo hạn vào năm 2010. Số dư 31/12/2009 là 906.028.000 đồng cũng là khoản nợ đến hạn trả trong năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay Quỹ đầu tư phát triển - Chi nhánh Đồng Tháp nhằm mục đích đầu tư mở rộng phân xưởng chế biến thuỷ sản đông lạnh xuất khẩu Sa Đéc theo hợp đồng tín dụng số 11/2007-HĐTD ngày 25/9/2007 với mức vay 13.500.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, đáo hạn vào ngày 25/6/2011. Số dư 31/12/2009 là 6.747.330.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay, trong đó nợ đến hạn trả trong năm 2010 là 4.500.000.000 đồng, kỳ hạn trả nợ 3 tháng/kỳ.

Số dư nợ vay **Ngân hàng Ngoại Thương - Chi nhánh Vũng Tàu** đến ngày 31/12/2009 là 8.836.096.003 đồng, bao gồm 2 khoản nợ có gốc ngoại tệ là 686.147 USD với tỷ giá quy đổi là 7.900 đồng/USD tương đương 5.420.560.905 đồng và khoản nợ có gốc ngoại tệ là 190.375.96 USD tương đương 3.415.535.098 đồng. Nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2010 là 1.794.100.000 đồng.

20. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số dư đầu năm	49.118.037
Tăng trong năm do trích lập dự phòng	553.217.919
Giảm do chi trợ cấp cho nhân viên	410.752.494
Số dư cuối năm	191.583.462

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

21. Tình hình tăng giảm vốn

	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Nguồn vốn kinh doanh	88.700.000.000	43.300.000.000	-	132.000.000.000
Cổ phiếu quỹ		(3.910.030.000)		(3.910.030.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		131.751.464	2.393.784.988 (*)	(2.262.033.524)
Quỹ đầu tư phát triển	-	5.745.000.000	-	5.745.000.000
Quỹ Dự phòng tài chính	-	3.591.000.000	-	3.591.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	54.589.665.542	55.357.132.222	51.803.000.000	58.143.797.764
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.233.940.392)	6.998.100.000	3.812.177.500	951.982.108
Cộng	141.055.725.150	111.212.953.686	58.008.962.488	194.259.716.348

Nguồn vốn kinh doanh tăng do

- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	35.480.000.000
- Phát hành thêm cổ phiếu	7.820.000.000
Cộng	43.300.000.000

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Vốn điều lệ		Vốn góp thực tế	
	Giá trị	Số cổ phần	Giá trị	Số cổ phần
UBND tỉnh Đồng Tháp	26.759.600.000	2.675.960	26.759.600.000	2.675.960
Phạm Văn Phát	7.873.420.000	787.342	7.873.420.000	787.342
Lưu Nguyễn Anh Tuấn	7.873.420.000	787.342	7.873.420.000	787.342
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim		-	45.956.630.000	4.595.663
Các cổ đông khác	89.493.560.000	8.949.356	43.536.930.000	4.353.693
Cộng	132.000.000.000	13.200.000	132.000.000.000	13.200.000
Cổ phiếu quỹ	-	-	(3.910.030.000)	(391.003)
Cộng	132.000.000.000	13.200.000	128.089.970.000	12.808.997

(*) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ đối với các khoản tiền và tương đương tiền, các khoản công nợ ngắn hạn.

Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	5.745.000.000
- Trích lập quỹ dự phòng tài chính	3.591.000.000
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.987.000.000
- Chia lợi nhuận để tăng vốn kinh doanh	35.480.000.000
Cộng	51.803.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

22. Doanh thu

	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu bán hàng	1.473.249.769.840	1.639.704.549.913
- Trong đó doanh thu xuất khẩu	1.210.277.771.511	1.195.797.909.693
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.810.437.368	-
Chiết khấu thương mại	(205.727.063)	(444.654.283)
Giảm giá hàng bán	(2.089.318.233)	(4.086.130.675)
Thuế tuyệt đối thuế xuất khẩu gạo	-	(2.217.600.000)
Cộng doanh thu thuần	1.473.765.161.912	1.632.956.164.955

23. Giá vốn

	Năm 2009	Năm 2008
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	1.434.044.816.866	1.367.112.161.375
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	702.572.639	-
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(69.955.519.929)	69.955.519.929
Cộng	1.364.791.869.576	1.437.067.681.304

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.327.849.906	2.306.620.150
Lãi tiền cho vay	4.415.516.483	3.942.754.264
Lãi đầu tư trái phiếu, mua công trái	14.420.000	14.420.000
Lãi từ hoạt động liên doanh, cổ tức được chia	3.588.806.000	30.000.000
Lãi chuyển nhượng cổ phần	17.211.709.100	-
Lãi do được hưởng chiết khấu	257.517.575	453.240.651
Lãi chênh lệch tỷ giá	60.242.966.077	35.925.738.128
Lãi do hàng bán trả chậm	-	50.178.643
Thu nhập tài chính khác	49.872.919	205.771.756
Cộng	88.108.658.060	42.928.723.592

25. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí lãi vay	27.588.591.379	61.460.715.866
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.192.182.355	8.531.349.770
Chi phí lãi phạt chậm nộp tiền bán cổ phần	4.485.039.164	-
Chi phí tài chính khác	1.897.366	1.870.344.132
Cộng	33.267.710.264	71.862.409.768

CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

26. Chi phí bán hàng	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí vận chuyển	27.850.682.709	23.028.491.530
Chi phí bao bì	8.664.532.663	7.227.452.012
Chi phí thuê kho	5.152.413.262	5.875.309.437
Chi phí hoa hồng	1.674.162.130	2.234.114.173
Chi phí làm hàng	2.864.547.077	2.129.920.778
Chi phí bốc xếp	2.198.288.867	2.673.683.624
Chi phí bảo hiểm	714.799.276	497.193.063
Chi phí kiểm dịch, khử trùng	1.196.457.211	586.922.640
Chi phí chuyển tiền	867.498.296	521.759.904
Chi phí uỷ thác và dịch vụ xuất, nhập khẩu	3.077.480.580	782.515.634
Chi phí khác bằng tiền	3.858.366.355	2.627.659.076
Cộng	58.119.228.426	48.185.021.871

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí tiền lương	19.311.938.234	14.254.796.108
Chi phí công cụ dụng cụ	3.508.834.395	3.814.624.464
Chi phí khấu hao	3.535.307.623	1.999.809.935
Chi phí tiếp khách, hội nghị	2.265.287.633	1.284.896.579
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.400.871.755	1.475.775.007
Chi phí chuyển tiền	693.002.975	461.864.742
Công tác phí	1.093.757.559	942.761.232
Chi phí khác bằng tiền	1.820.130.103	3.600.790.445
Cộng	35.629.130.277	27.835.318.512

28. Thu nhập khác	Năm 2009	Năm 2008
Thu tiền bồi thường	493.201.800	398.881.048
Thu từ thanh lý TSCĐ, phế liệu	18.501.273	113.787.489
Chiết khấu thương mại được hưởng	110.682.349	-
Thu hồi công nợ cũ	33.664.137	137.786.777
Xử lý công nợ phải trả	107.999.955	433.873.924
Thu nhập khác	95.285.915	43.321.163
Cộng	859.335.429	1.127.650.401

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm 2009	Năm 2008
29. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(*) 15.505.212.800	17.303.246.958
(*) Bao gồm:		Năm 2009
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	69.465.093.440	
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền thuê đất	1.397.251.582	
Tổng thu nhập kế toán trước thuế	70.862.345.022	
- Cộng các khoản chi phí không hợp lệ	664.957.583	
- Trừ chi phí lãi vay phải trả nhưng chưa thanh toán năm 2008	(503.099.346)	
- Trừ lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm 2008	(204.664.055)	
- Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.588.806.000)	
- Tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	65.833.481.622	
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	16.458.370.406	
- Thuế TNDN được miễn ước tính	(1.302.470.502)	
- Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động kinh doanh (a)	15.155.899.904	
- Tổng thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng đất	1.397.251.582	
- Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng đất (b)	349.312.896	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ước tính (a) + (b)	15.505.212.800	
30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	55.357.132.222	74.707.758.983
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	55.357.132.222	74.707.758.983
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.762.106	8.870.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.671	8.423

VII. Các thông tin khác

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DOCIMEXCO
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Nghệp vụ các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Tên Công ty	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH Một thành viên Docifarm	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	498.274.493
		Mua hàng hóa	(2.710.339.000)
		Chi phí gia công	(5.317.831.991)
Công ty TNHH Domyfeed	Công ty con	Bán hàng hóa	2.211.785.443
		Giá trị uỷ thác nhập khẩu	24.178.534.000
		Doanh thu khác	34.934.900
Công ty TNHH Một Thành viên DV PT Nông nghiệp Đồng Tháp	Công ty con	Mua hàng hóa	(14.202.171.745)
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.214.410.519
		Lãi cho vay	2.037.334.388
Công ty TNHH Một Thành viên DV PT Nông nghiệp Đồng Tháp	Công ty con	Bán hàng hoá	83.408.915.177
		Mua hàng hóa	(157.142.857)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Tên Công ty	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu / (phải trả)
Công ty TNHH Một Thành viên Docifarm	Công ty con	Phải thu	370.071.000
		Phải trả	(272.525.930)
		Phải trả khác	907.951.008
Công ty TNHH Domyfeed	Công ty con	Phải thu	2.511.740.000
		Phải thu khác	1.000.000.000
		Phải trả	(6.674.560.000)
Công ty TNHH Một Thành viên DV PT Nông nghiệp Đồng Tháp	Công ty con	Người mua trả trước	(1.323.544.800)
		Phải thu	20.157.050.250
		Phải thu khác	20.101.932.268

HÀ XUÂN LONG

Kế toán trưởng

Ngày 29 tháng 01 năm 2010

LÊ TRƯỜNG SƠN

Tổng Giám đốc